

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày 04-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Bà Lương Thị Diện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tiến, Thư ký -
Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên toà: Bà
Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét
xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020;
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng
02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn L** - Sinh năm 1970. Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Khu 4, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh
Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc
tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông: Lê Văn T, sinh năm
1936; Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1942; Vợ: Bùi Thị Ng, sinh năm 1980 (Đã ly
hôn); Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án: 01 (Một), ngày 12/4/2016 bị TAND thành phố Nam Định, tỉnh Nam
Định xử phạt 30 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong
hình phạt tháng 02/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2019 chuyển tạm giam ngày 26/9/2019, hiện
đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Có mặt.

• **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Văn L1, sinh năm 1971
Trú tại: Khu 3, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

• **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1977
Trú tại: Khu 5, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10^h ngày 17/9/2019, Tổ công tác Công an huyện Quan Hóa đang làm nhiệm vụ tại khu 4, thị trấn Quan Hóa (nay là thị trấn Hồi Xuân), huyện Quan Hóa thì phát hiện Lê Văn L có biểu hiện nghi vấn, nên đã tiến hành kiểm tra, phát hiện trên tay trái 03 gói nhỏ heroin. Tổ công tác Công an huyện Quan Hóa tiến hành bắt quả tang đối với Lê Văn L và thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn L khai nhận: Khoảng 19^h ngày 13/9/2019, Lê Văn L đi xe máy BKS 36P3-19xx đi từ nhà ở khu 4 thị trấn Quan Hóa (nay là thị trấn Hồi Xuân), huyện Quan Hóa đến bản Suối Tôn, xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa để gặp và mua 01 gói ma túy của một người đàn ông dân tộc Mông, tên là D, với giá là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), khi mua được ma túy Lê Văn L đem về nhà chia thành nhiều gói nhỏ, mục đích để sử dụng cho bản thân và bán cho người nghiện khác kiếm lời. Lê Văn L khai báo là đã sử dụng bớt số ma túy đã mua được và đã bán cho Nguyễn Viết T 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 10^h ngày 14/9/2019, Lê Văn L đang ở nhà tại khu 4 thị trấn Quan Hóa (Nay là thị trấn Hồi Xuân), huyện Quan Hóa thì có Nguyễn Viết T (thường gọi là T K), sinh năm 1977, trú tại: Khu 5 thị trấn Quan Hóa (nay là trấn Hồi Xuân), đến nhà Lê Văn L hỏi mua ma túy. T hỏi “Có ma túy bán không? bán cho một trăm nghìn”, L trả lời “Có, ra kia đợi tao”, rồi L vào nhà lấy ma túy đang cất trong túi quần dài rồi đi bộ mang ra bán cho T, lúc đó T đang ở ngõ, cách nhà L khoảng 10m, L bán cho T 01 gói nhỏ heroin với giá 100.000^d (Một trăm nghìn đồng chẵn), bán xong, L cất số tiền bán ma túy được vào trong người rồi đi về nhà.

Lần 2: Khoảng 16^h30 phút, ngày 16/9/2019, Lê Văn L đang ở nhà mình thì T lại đến nhà gọi để hỏi mua ma túy, L chỉ T ra vị trí mà trước đó (ngày 14/9/2019) T đã đứng đợi mua ma túy để đợi. L vào nhà lấy 01 gói nhỏ heroin rồi đi bộ đem ra bán cho T, cũng với giá là 100.000^d (Một trăm nghìn đồng chẵn), bán xong, L cất số tiền bán ma túy được vào trong người rồi đi về nhà.

Lần 3: Khoảng 09^h50 phút ngày 17/9/2019, T gọi điện cho L hỏi mua 03 tép ma túy và T hẹn đem ra đường xương cá, dọc bờ sông Mã thuộc khu 4, thị trấn Quan Hóa (nay là thị trấn Hồi Xuân), huyện Quan Hóa để bán ma túy cho T, Lê Văn L đồng ý. Sau đó, L đi xe máy BKS 36P3-19xx đến điểm hẹn để bán ma túy cho T, nhưng T nói không có tiền, xin mua nợ ma túy, nhưng L không đồng ý bán cho T và cầm số ma túy định bán cho T đi về nhà.

Tại Bản kết luận giám định số: 2154/PC09 ngày 23/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,120g (Không phải một trăm hai mươi gam) loại: Heroin.

Cáo trạng số 08/CT-VKS-QH ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo có bố và mẹ đều được tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng ba”. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Lê Văn L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm b khoản 2 điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lê Văn L từ **07** năm đến **07** năm **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo, còn lại sau giám định tịch thu tiêu hủy; 01 chứng minh nhân dân trả lại cho bị cáo. Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản và tiền cho người chủ sở hữu hợp pháp. Truy thu của bị cáo 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) do bán ma túy mà có.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng và bán kiếm lời là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không có tiền mua ma túy để sử dụng nên đã bán ma túy cho các con nghiện để có tiền mua ma túy và chi tiêu cá nhân, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng.

Người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn L1 trình bày: Anh là em trai của bị cáo Lê Văn L. Hiện tại anh đang phải đi làm ăn, do bố mẹ đã giải yếu, nên trước đây anh có mua 01 chiếc xe máy để ở nhà để mọi người làm phương tiện sinh hoạt, việc Lê Văn L dùng xe máy đi bán ma túy anh không hề hay biết, xe đó là thuộc quyền sở hữu của anh. Đối với số tiền 4.300.000^d (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của Lê Văn L, đây là số tiền anh gửi cho Lê Văn L vào sáng ngày 17/9/2019 để L đem về đưa cho bố mẹ già. Số tiền này là số tiền anh phụng dưỡng bố mẹ già, chứ không phải tiền do L bán ma túy mà có. Nay, anh đã được nhận lại số tiền này, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, không bổ sung thêm tình tiết mới.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên không làm chủ được bản thân, nên mới đi mua ma túy

về để sử dụng và bán kiếm lời, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37, Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người làm chứng Nguyễn Viết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa, Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu triệu tập Nguyễn Viết T đến phiên tòa, vì đã có đầy đủ lời khai. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định vẫn xét xử vụ án.

[2] Đánh giá chứng cứ; yêu cầu; đề nghị của Kiểm sát viên; hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu giám định; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và trích mẫu giám định; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 13/9/2019, bị cáo đi xe máy lên bản Suối Tôn, xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa, mua một lượng ma túy với người đàn ông dân tộc Mông, tên là D, sau đó bị cáo đem về nhà chia nhỏ thành nhiều gói, mục đích là để sử dụng và bán lại cho các con nghiện để kiếm lời. Đến ngày 14/9/2019 bị cáo đã bán cho Nguyễn Viết T, (người ở cùng khu phố với L) 01 gói hêrôin được 100.000^d (Một trăm nghìn đồng chẵn). Đến ngày 16/9/2019 thì Lê Văn L lại bán cho Nguyễn Viết T 01 gói hêrôin với số tiền là 100.000^d (Một trăm nghìn đồng chẵn). Đến ngày 17/9/2019, Nguyễn Viết T gọi điện cho Lê Văn L đem 03 gói hêrôin ra đường xương cá dọc bờ sông Mã để bán cho T, nhưng khi ra đến nơi thì T không có tiền, xin nợ tiền mua hêrôin, nhưng Lê Văn L không đồng ý và cầm 03 gói hêrôin về nhà. Khi bị cáo về đến nhà thì bị Công an huyện Quan Hóa bắt quả tang khi đang cầm 03 gói hêrôin trên tay trái. Bị cáo thừa nhận đây là số hêrôin đem đi bán cho Nguyễn Viết T và trước đó bị cáo đã bán 02 lần hêrôin cho Nguyễn Viết T, mỗi lần là 100.000^d (Một trăm nghìn đồng).

Hành vi bán ma túy là hêrôin 02 lần của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý đặc biệt của Nhà nước đối

với các chất ma túy, làm ảnh hưởng không những đến sức khỏe của người nghiện, mà ảnh hưởng tới kinh tế của gia đình người nghiện, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện (bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp 02 lần). Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình. Sau khi xem xét về hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chất ma túy, khối lượng ma túy, số lần bán chất ma túy, được quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX kết luận: Quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, bị cáo có bố đẻ là Lê Văn T và mẹ đẻ là Trần Thị T đều được Nhà nước tặng “Huân chương kháng chiến hạng Ba” nên HĐXX cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Ngày 12/4/2016 bị cáo bị TAND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đến tháng 02/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích, nên HĐXX buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h (Tái phạm) khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi vi phạm mà bị cáo đã gây ra, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và để bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy; HĐXX, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 251 BLHS. Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, lại là người nghiện chất ma túy, hiện tại bị cáo đang phải chăm sóc bố mẹ già yếu, 02 con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng vụ án: Chất ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn L, số 113496750, đây không phải là công cụ, dụng cụ phạm tội, trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe máy BKS 36P3-19xx, chiếc xe Lê Văn L dùng đi bán ma túy, Cơ quan CSĐT đã xác minh, làm rõ, chiếc xe máy này là xe hợp pháp của anh

Lê Văn L1, Lê Văn L dùng đi bán ma túy, nhưng anh L1 không biết, nên không thu giữ chiếc xe máy này và anh L1 không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Chấp nhận việc cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa đã trả lại 4.300.000^d (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn L1.

Đối với được số tiền 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng chẵn) mà bị cáo bán ma túy mà có và bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, nhưng số tiền này là do bị cáo phạm tội mà có. Nên Hội đồng xét xử sẽ truy thu của bị cáo 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng chẵn) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông có tên là D, ở bản Suối Tôn, xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa là người đã bán ma túy cho bị cáo, theo lời khai của bị cáo. Thì Cơ quan CSĐT đã xác minh, nhưng không xác định được, nên không thể xử lý ở vụ án này.

Đối với Nguyễn Viết T và Cao Văn N, Cơ quan CSĐT đã làm rõ và xác định T và N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Viết T và Cao Văn N.

Đối với người có tên là C, ở huyện Bá Thước, như lời khai của Nguyễn Viết T, là nhờ T đi mua ma túy. Thì Cơ quan CSĐT chưa đủ cơ sở xác minh làm rõ đối tượng này, nên không thể xử lý ở vụ án này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260, điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điểm b khoản 2 điều 251; Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn L** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Lê Văn L 07** (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (17/9/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ gói niêm phong và 0,100g (Không phải một không không gam) chất bột màu trắng ngà là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn

Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan và Hà Tuấn Anh và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn L 01 chứng minh thư nhân dân, mang tên Lê Văn Lợi, số 113496750.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2020 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, điều 23, điều 26, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Bị cáo Lê Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND thị trấn Hồi Xuân, H. Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo Lê Văn L;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng